

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AYUN PA**

Số: 340/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ayun Pa, ngày 18 tháng 7 năm 2021

## BÁO CÁO

### Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020; tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021

#### A. QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020:

Trong thời gian qua dưới sự lãnh đạo của Thị ủy, Hội đồng nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã cùng với sự phối hợp của các ngành, các phòng, ban qua một năm thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách Ủy ban nhân dân thị xã điều hành ngân sách địa phương, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Cùng với sự nỗ lực của các ban, ngành đã tập trung nguồn lực triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trong đó tập trung vào việc thực hiện các biện pháp phấn đấu thu NSNN được giao để có nguồn lực hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Trong năm 2020 dịch bệnh xảy ra trên địa bàn thị xã, tuy nhiên nhìn chung ngân sách đã đảm bảo được chi hoạt động thường xuyên, các nhu cầu cần thiết phát sinh trong năm, trợ cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã từ ngân sách cấp huyện luôn kịp thời. Nguồn dự phòng ngân sách, nguồn kết dư ngân sách trong năm đã bổ sung chi cho các nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết không có trong kế hoạch giao đầu năm. Kết quả thực hiện công tác thu, chi ngân sách năm 2020 như sau:

##### I. Về thu ngân sách:

**1. Thu NSNN trên địa bàn** (không kể thu kết dư, chuyển nguồn, thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 95.261 triệu đồng, tăng 25,94% so với dự toán tỉnh giao và tăng 23,72% so với dự toán HĐND thị xã giao (95.261 trđ/77.000 trđ), bằng 126,54% so với năm 2019.

**2. Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp** 49.607 triệu đồng, đạt 130,85% so với dự toán UBND tỉnh giao và đạt 126,32% so với dự toán HĐND thị xã giao, bằng 133,31% so với số thực hiện năm 2019 (49.607 trđ/37.212 trđ).

Một số chỉ tiêu thu chủ yếu như sau:

- Thuế bảo vệ môi trường 36.551 triệu đồng, tăng 7,5% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao.

- Thu tiền sử dụng đất 21.816 triệu đồng, tăng 235,64% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao. Nguyên nhân tăng do thu tiền chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất (từ đất nông nghiệp sang đất ở) và nợ tiền sử dụng đất các năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân 4.202 triệu đồng, tăng 5,06% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao.

- Thuế sử đất phi nông nghiệp đạt 438 triệu đồng, tăng 46% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao. Nguyên nhân tăng do tăng cường thu nợ và truy thu thuế nhà đất của các hộ gia đình khi thực hiện nghĩa vụ tài chính xin cấp quyền sử dụng đất.

- Thu tiền cho thuê đất 1.653 triệu đồng, tăng 136,14% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao.

- Thu lệ phí trước bạ 5.776 triệu đồng, tăng 26,95% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao. Nguyên nhân tăng do nhu cầu người dân trên địa bàn tăng làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản và tăng mua sắm phương tiện đi lại.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp 592 triệu đồng, giảm 61,58% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao.

- Thuế giá trị gia tăng 16.105 triệu đồng, giảm 12,95% dự toán tỉnh giao và giảm 17,32% toán HĐND thị xã giao.

- Thu phí và lệ phí 1.865 triệu đồng, đạt 99,19% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao.

- Thu khác ngân sách 4.615 triệu đồng, tăng 42,44% so dự toán tỉnh giao và tăng 27,42% so với dự toán HĐND thị xã giao. Nguyên nhân đạt vượt một số khoản thu phát sinh lớn như thu tiền phạt 2.401 triệu đồng, (trong đó thu phạt trật tự an toàn giao thông 1.811 triệu đồng), thu hồi các khoản chi năm trước 583 triệu đồng; thu khác còn lại 1.647 triệu đồng.

## **II. Về chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 là 253.176 triệu đồng (không bao gồm chuyển nguồn, chi bổ sung cho ngân sách cấp xã 46.343 triệu đồng, chi ngân sách cấp xã nộp lên 47 triệu đồng), đạt 112,91% so dự toán tỉnh giao và đạt 112,23% so với dự toán HĐND thị xã giao, bằng 98,36% so với thực hiện năm 2019.

**1. Chi đầu tư phát triển:** 38.091 triệu đồng, đạt 184,01% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, bằng 91,41% so với thực hiện năm 2019.

**2. Chi thường xuyên:** 213.162 triệu đồng, đạt 106,90% so với dự toán tỉnh giao và đạt 106,18% so với dự toán HĐND thị xã giao, bằng 111,31% so với năm 2019. Một số lĩnh vực chi chủ yếu như sau:

- Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo 89.242 triệu đồng, đạt 93,48% so với dự toán tỉnh giao, đạt 95,19% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi sự nghiệp VHTT 3.522 triệu đồng, đạt 137,22% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi phát thanh, truyền hình 1.271 triệu đồng, đạt 101,81% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi Đảm bảo xã hội 13.179 triệu đồng, đạt 162,82% dự toán HĐND thị xã giao. Nguyên nhân tăng là chi hỗ trợ cho các đối tượng mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.
- Chi sự nghiệp kinh tế 15.840 triệu đồng, đạt 117,36% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi QLHC, Đảng và đoàn thể 71.389 triệu đồng, đạt 116,38% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi Quốc phòng 5.077 triệu đồng, đạt 111,61% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi an ninh 2.914 triệu đồng, đạt 121,95% dự toán HĐND thị xã giao.
- Chi sự nghiệp môi trường 7.120 triệu đồng, đạt 145,25% dự toán tỉnh giao và đạt 151,75% dự toán HĐND thị xã giao. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán đầu năm do trong năm phát sinh nhiệm vụ bổ sung cho các xã, phường phát dọn cây mai dương dọc bờ kè Bến mộng, Đội công trình đô thị mua xe ép rác.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao là 259 triệu đồng, đạt 94,62% dự toán HĐND thị xã giao.

**3. Chi chuyển nguồn:** 25.765 triệu đồng (ngân sách cấp huyện 24.295 triệu đồng; ngân sách cấp xã 1.470 triệu đồng), bằng 157,75% so với thực hiện năm 2019. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện chủ yếu là nguồn tăng thu tiền sử dụng đất và nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

**4. Chi nộp ngân sách cấp trên** các khoản bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi 1.970 triệu đồng, bằng 24,89% so với năm 2019.

Tóm lại trong năm 2020 thu ngân sách còn gấp rất nhiều khó khăn dưới sự ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid 19, nhưng với quyết tâm rất cao của các cấp, các ban, ngành cùng với sự chỉ đạo của cấp ủy. Thị xã Ayun Pa cũng đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc quản lý và điều hành ngân sách theo Luật ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

Thu NSNN trên địa bàn (không kể thu kết dư, chuyển nguồn, thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 95.261 triệu đồng, tăng 25,94% so với dự toán tỉnh giao và tăng 23,72% so với dự toán HĐND thị xã giao (95.261 trđ/77.000 trđ). Trong đó thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp 49.607 triệu đồng đạt 130,85% so với dự toán UBND tỉnh giao và đạt 126,32% so với dự toán HĐND thị xã giao.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 là 253.176 triệu đồng (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp xã, chi ngân sách cấp xã nộp lên), đạt 112,91% so dự toán tỉnh giao và đạt 112,23% so với dự toán HĐND thị xã giao, tăng 12,23% so với dự toán HĐND thị xã giao.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số chỉ tiêu thu chưa đạt so với dự toán HĐND thị xã giao như thu thuế GTGT chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp đạt (82,68%), thuế thu nhập doanh nghiệp đạt (38,42%), thuế tiêu thụ đặc biệt đạt (67,31%).

(*Số liệu thu, chi ngân sách theo biểu đồ kèm*)

## **B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CÒN LẠI NĂM 2021:**

### **I. Về thu, chi NSNN thực hiện từ đầu năm đến ngày 30/6/2021:**

**1. Về thu:** Tổng thu NSNN trên địa bàn 71.987 triệu đồng, đạt 88,39% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao (71.987 triệu đồng/81.440 triệu đồng), bằng 140,03% so với cùng kỳ năm trước. Nếu không tính khoản thu tiền sử dụng đất số thu là 66.830 triệu đồng đạt 90,38% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, bằng 174,78% so với cùng kỳ năm trước.

Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp 24.075 triệu đồng, đạt 58,43% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, bằng 88,48% so với cùng kỳ năm trước.

(*Số liệu thu ngân sách theo Biểu số 01/BC-NS đính kèm*)

**2. Về chi:** Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện từ đầu năm đến 30/6/2020 (không kể chi tạm ứng, chi chuyển nguồn, chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới) là 104.310 triệu, đạt 45,21% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, bằng 86,83% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển chưa phát sinh do tỉnh chưa giao kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2021-2025.

- Chi thường xuyên 100,687 triệu đồng, đạt 51,42% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, bằng 105,84% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi dự phòng ngân sách 3.623 triệu đồng, đạt 83,56% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, bằng 209,06% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu chi cho nhiệm vụ phòng, chống bệnh dịch Covid - 19 trên địa bàn thị xã.

(Số liệu chi ngân sách theo Biểu số 02/BC-NS đính kèm).

Tóm lại trong 6 tháng đầu năm 2021 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn về tổng thể đạt so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao. Tuy nhiên chỉ tiêu được giao thu chiếm tỷ trọng lớn ngân sách huyện hưởng theo điều tiết đạt nhưng còn thấp như thuế GTGT (57,17%), một số chỉ tiêu thu chưa đạt như thuế tiêu thụ đặc biệt (27,60%), thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (33,20%), thuế thu nhập cá nhân (46,34%). Chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất là một khoản thu của thị xã nhằm đầu tư phát triển các cơ sở hạ tầng trên địa bàn thị xã, chỉ tiêu này thu đạt tiến độ so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao.

Về thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021 chưa đạt so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thị xã giao, nguyên nhân chi đầu tư phát triển chưa phát sinh dẫn đến tổng chi ngân sách địa phương chưa đạt, chi thường xuyên đạt nhưng vẫn còn thấp, chủ yếu chi tiền lương và các khoản phụ cấp. Chi mua sắm tài sản còn chậm do thực hiện mua sắm tập trung.

## **II. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng còn lại năm 2021:**

Để hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021, nhiệm vụ 6 tháng còn lại cần tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

### **1. Về thu:**

Nỗ lực, phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021 đảm bảo hoàn thành đạt vượt mức dự toán thu được Hội đồng nhân dân thị xã giao 81.440 triệu đồng. Trong đó thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp hoàn thành 41.200 triệu đồng để đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách của thị xã, trên cơ sở đánh giá sự ảnh hưởng của cơ chế chính sách mới và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh vẫn còn ảnh hưởng đối với các doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn.

Chi cục Thuế khu vực Ayun Pa - Phú Thiện - Ia Pa sẽ tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chỉ đạo ngành cấp trên, chính quyền địa phương, trong đó tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ đọng có hiệu quả và hạn chế tối đa nợ đọng phát sinh thêm; tiếp tục tập trung thực hiện tốt việc xử lý khoanh nợ tiền thuế, xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94 của Quốc hội và triển khai thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo ND số 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là tình hình xây dựng cơ bản và tiến độ giải ngân của các công trình xây dựng, công tác đấu thầu các công trình xây dựng; tình hình cấp phép kinh doanh, hoạt động kinh doanh vãng lai...để tham mưu cho lãnh đạo địa phương chỉ đạo công tác quản lý thu ngân sách, xử lý nợ thuế một cách hiệu quả.

- Tiếp tục kiểm tra, phân tích chặt chẽ hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế năm 2020 để đánh giá việc tuân thủ pháp luật và có biện pháp kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, đôn đốc thu nộp kịp thời các khoản chênh lệch sau quyết toán và ngân sách; rà soát những doanh nghiệp vãng lai trên địa bàn để quản lý thu các khoản phải nộp NSNN.

- Phân tích báo cáo tài chính năm 2020, đánh giá rủi ro để bổ sung kế hoạch kiểm tra năm. Triển khai hiệu quả công tác kiểm tra quyết toán năm đạt chỉ tiêu và hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt các quy định mới về quản lý thuế và chính sách thuế.

- Thường xuyên rà soát địa bàn, làm tốt công tác chống sót hộ; kiểm tra và xử lý kiên quyết hộ kinh doanh vi phạm về thuế; tiến hành xác minh các trường hợp nghỉ hẵn còn nợ thuế để có biện pháp xử lý đúng quy định.

- Triển khai các giải pháp quản lý thuế về xây dựng nhà ở tư nhân, kinh doanh điện mặt trời áp mái, xây dựng các công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, kinh doanh vãng lai ngoài tỉnh,...

- Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ, động viên thực hiện đăng ký thuế điện tử và nộp thuế điện tử cho hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện, thị xã.

- Phối hợp với phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai xử lý hồ sơ đất đai kịp thời, không để chậm trễ, tồn đọng hồ sơ và đôn đốc nộp kịp thời các khoản thu liên quan phát sinh vào ngân sách.

- Nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý thuế trên địa bàn, Chi cục Thuế tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý khai thuế và xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành Thuế và rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý thuế qua kiến nghị của hoạt động kiểm tra nội bộ, kiểm toán Nhà nước theo tinh thần chỉ đạo của Tổng cục Thuế.

- Các nhiệm vụ triển khai thực hiện, nhất là công tác kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế phải tuân thủ sự chỉ đạo của ngành cấp trên, UBND các cấp trong điều kiện dịch bệnh.

Phòng Tài chính- Kế hoạch tập trung đôn đốc thu nộp kịp thời các khoản thu phạt, thu tịch thu và thu khác vào ngân sách, thu hồi các khoản kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường do chi sai qui định, các nguồn kinh phí còn lại đã hết nhiệm vụ chi và các khoản tạm ứng ngân sách kéo dài.

## 2. Về chi:

Thực hiện nghiêm Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021.

Tổ chức thực hiện theo đúng Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính qui định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021. Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính V/v tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021.

Tổ chức, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, tài chính - ngân sách nhà nước, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, cấp bách trong điều kiện số thu cân đối ngân sách không đạt do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Chấp hành dự toán đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm soát chi, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ tài sản công. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền, tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết.

Trên đây là báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 và những giải pháp còn lại cuối năm 2021. Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo kỳ họp thứ Hai, HĐND thị xã khóa XIII xem xét, cho ý kiến./.

### Noi nhận:

- Thường trực Thị ủy;
- HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- CVP HĐND-UBND thị xã;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KÝ CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Toàn



## BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 349/BC-UBND ngày 18/7/2021 của UBND thị xã)

ĐVT: Triệu đồng

S TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 30/6/20	Dự toán Tỉnh giao 2021	Dự toán HĐND Thị xã giao năm 2021	Thực hiện 30/6/21	(% ) TH/DT	
						so với dự toán tỉnh giao và HĐND thị xã giao	so với cùng kỳ năm trước
I	Thu NSNN trên địa bàn	51,407	81,440	81,440	71,987	88.39	140.03
II	Thu cân đối NSNN	51,407	81,440	81,440	71,987	88.39	140.03
-	Thuế GTGT thu từ DNND do TW QL	307	400	400	150	37.50	48.92
1	Thuế CTN ngoài quốc doanh	8,972	20,800	20,800	11,877	57.10	132.37
	Thuế GTGT	8,410	19,800	19,800	11,320	57.17	134.60
	Thuế TNDN	387	550	550	342	62.18	88.45
	Thuế tài nguyên	90	200	200	146	73.00	162.92
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	86	250	250	69	27.60	80.40
2	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp	263	500	500	166	33.20	63.06
3	Thuế thu nhập cá nhân	2,306	4,400	4,400	2,039	46.34	88.44
4	Tiền sử dụng đất	13,171	7,500	7,500	5,157	68.76	39.15
5	Lệ phí trước bạ	2,171	5,000	5,000	5,105	102.10	235.14
7	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1,154	700	700	970	138.57	84.05
8	Thuế bảo vệ môi trường do CCT thu	19,464	36,000	36,000	40,535	112.60	208.26
9	Thu phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện	35	200	200	21	10.50	60.23
10	Thu quyền cấp phép khai thác khoáng sản	1,002		0			0.00
11	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				10		
10	Phí và lệ phí	1,167	2,230	2,230	1,581	70.90	135.43
-	Phí và lệ phí TW, tỉnh	588	1,430	1,430	956	66.85	162.57
-	Phí và lệ phí huyện, xã	579	800	800	625	78.13	107.88
11	Thu khác và phạt các loại	1,396	3,710	3,710	4,376	117.95	313.53
-	Thu khác và phạt huyện xã	653	1,970	1,970	3,539	179.64	542.23
-	Phạt trật tự ATGT huyện thu	743	1,740	1,740	837	48.10	112.64
III	Thu chuyển nguồn						

**BÁO CÁO****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 349/BC-UBND ngày 18/7/2021 của UBND thị xã)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 30/6/2020	Dự toán tỉnh giao 2021	Dự toán HĐND tỉnh giao 2021	Thực hiện đến 30/6/202 1	(%) so với dự toán tỉnh giao	(%) so với HĐND thị xã giao
<i>A</i>	<i>B</i>						
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>120,137</b>	<b>230,741</b>	<b>230,741</b>	<b>104,310</b>	<b>45.21</b>	<b>45.21</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>23,276</b>	<b>30,577</b>	<b>30,577</b>		<b>0.00</b>	<b>0.00</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên (kể cả BSCMT)</b>	<b>95,128</b>	<b>195,828</b>	<b>195,828</b>	<b>100,687</b>	<b>51.42</b>	<b>51.42</b>
1	Chi quốc phòng	3,692		5,352	4,553		85.07
2	Chi an ninh	1,576		2,363	2,055		86.97
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	39,791	89,809	88,765	40,161	44.72	45.24
4	Chi sự nghiệp y tế	89		189	89		47.09
6	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		410	410		0.00	0.00
7	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	950		2,300	1,040		45.22
8	Chi sự nghiệp môi trường	1,996	4,902	4,812	2,423	49.43	50.35
9	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	472		1,304	523		40.11
10	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	131		762	46		6.04
11	Chi đảm bảo xã hội	3,698		7,736	4,198		54.27
12	Chi sự nghiệp kinh tế	4,889		14,533	7,874		54.18
13	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	36,487		60,811	35,411		58.23
14	Chi khác ngân sách	1,357		6,491	2,314		35.65
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng</b>	<b>1,733</b>	<b>4,336</b>	<b>4,336</b>	<b>3,623</b>	<b>83.56</b>	<b>83.56</b>



UBND THỊ XÃ A YUN PA

**CẨN ĐỐI THỰC HIỆN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020 CỦA THỊ XÃ AYUN PA  
(Kèm theo Báo cáo số 340/BC-UBND ngày 18/7/2021 của UBND thị xã)**

(Kèm theo Báo cáo số 340/BC-UBND ngày 18/7/2021 của UBND thị xã)

*Đơn vị: triệu đồng*

Phân thu	Tổng số	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phản chí	Tổng số	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	4	5	6	7	9	10
Tổng số thu				Tổng số chí			
A Tổng số thu cân đối ngân sách	350,325	296,406	53,919 A	Tổng số chí cân đối ngân sách	325,332	274,020	51,312
1 Các khoản thu NSDP thường 100%	49,607	45,886	3,722	1 Chi đầu tư phát triển	38,091	38,091	0
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	0	0	2	Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0		
3 Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0		3	Chi thường xuyên	213,162	163,368	49,795
4 Thu kết dư năm trước	26,186	22,837	-3,350	4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		
5 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	16,333	15,828	505	5 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	46,343	46,343	-
6 Thu viện trợ	0		6	Chi chuyển nguồn sang năm sau	25,765	24,295	1,470
7 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	258,152	211,809	46,343	7.Chi nộp ngân sách cấp trên	1,970	1,923	47
Trđó: - Bổ sung cân đối ngân sách	195,443	168,635	26,808	8.Các nhiệm vụ chi khác			
- Bổ sung có mục tiêu	62,709	43,174	19,535				
8.Thu cấp dưới nộp lên	47	47					
- Kết dư ngân sách (thu-chi)	24,994	22,386	2,607				



**QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2020 CỦA THỊ XÃ AYUN PA**  
(Kèm theo Báo cáo số 34g/BC-UBND ngày 17/7/2021 của UBND thị xã)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2020		Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh TH/DT (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	Thực hiện năm 2020	Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Tỉnh giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)</b>			261,961	263,321	397,902	26,910	20,667	296,406	53,919
A	<b>THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>			75,640	77,000	95,261	26,910	18,744	45,886	3,722
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	400	400	404	0	404	0	0	100,99	100,99
	- Thuế giá trị gia tăng	400	400	401					100,34	100,34
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí</i>			0						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			0						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>			0						
	- Thuế tài nguyên			0						
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>			0						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	0	0	5,702	0	99	5,595	8		
	- Thuế giá trị gia tăng			5,487		40	5,444	4		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			124		40	80	4		
	- Thuế môn bài			0						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>			0						
	- Thuế tài nguyên			91		20	71			
	- Thu khác			0						

*Đơn vị: triệu đồng*

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2020		Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh TH/DT (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	Thực hiện năm 2020	Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	
	- Thuế giá trị gia tăng			0					
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			0					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			0					
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			0					
	- Thu từ khí thiên nhiên			0					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0					
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			0					
	- Thuế tài nguyên			0					
	Trong đó: Thu từ tài nguyên dầu, khí			0					
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước			0					
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			0					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19,970	20,948	11,009	0	1,718	8,469	821	55.13 52.55
	- Thuế giá trị gia tăng	18,100	19,078	10,216	1,718	7,739	759	56.44	53.55
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,540	1,540	466		465	0	30.23	30.23
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	240	240	162		117	44	67.31	67.31
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			0					
	- Thuế tài nguyên	90	90	165				147	18 183.67 183.67
	- Thuế môn bài			0					
	- Thu khác			0					
5	Lệ phí trước bạ	4,550	4,550	5,776				5,301	475 126.95 126.95
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0					
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	438				176	262 145.86 145.86
8	Thuế thu nhập cá nhân	4,000	4,000	4,202	0	20	3,048	1,134	105.06 105.06

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2020		Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh TH/DT (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	Thực hiện năm 2020	Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	
9	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	34,000	34,000	36,551	22,954	13,597	0
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	21,350	21,350	17,452	17,452	-	107.50
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	-	-	12,650	12,650	10,338	0	0	81.74
10	Phí, lệ phí	-	-	1,880	1,880	1,865	834	253	99.19
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu	-	-	800	800	834	834	-	104.28
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu	-	-	1,080	1,080	1,031	-	253	333
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	0	38	38	95.42
11	Tiền sử dụng đất	-	-	6,500	6,500	21,816	0	0	335.64
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	-	-	-	-	0	-	-	335.64
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý	-	-	-	-	-	-	-	335.64
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	-	-	6,500	6,500	21,816	-	-	335.64
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	-	-	700	700	1,653	1,417	236	236.18
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương	-	-	0	0	1,002	0	0	0
14	Thu từ bán tài sản nhà nước	-	-	-	-	0	-	-	-
	Trong đó: - Do trung ương	-	-	-	-	0	-	-	-
	- Do địa phương	-	-	-	-	0	-	-	-
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước	-	-	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: - Do trung ương xử lý	-	-	-	-	0	-	-	-
	- Do địa phương	-	-	-	-	0	-	-	-
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-	0	-	-	-
17	Thu khác ngân sách	-	-	3,240	3,622	4,615	3,121	233	462
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	-	142.44
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	0	0	0	0	0	127.42

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2020		Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh TH/DT (%)
		Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	Thực hiện năm 2020	Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp - Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>				0			
	-			0	0			
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			227				
20	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý	100	100	0				
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)							
II	Thu về đầu thô			0				
I	<i>Thu về đầu thô theo hiệp định, hợp đồng</i>	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Thuế tài nguyên							
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam							
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam							
1.5	Thuế đặc biệt							
1.6	Thu khác							
2	<i>Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.</i>							
3	<i>Phụ thu về dầu, khí</i>							
4	<i>Thu về khai thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)</i>							
III	Thu Hải quan	0	0	0	0	0	0	0
1	Thuế xuất khẩu							
2	Thuế nhập khẩu							
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu							
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu							
5	Thuế bù sung đối với hàng hóa nhập khẩu							
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu							
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện							
8	Phí, lệ phí hải quan							
9	Thu khác							
IV	Thu Viện trợ							

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2020		Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh THĐT (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	Thực hiện năm 2020	Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	
V	Các khoản huy động đóng góp	0	0	0	0	0	0	0	
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	-	-	0	-	-	-	-	
2	Các khoản huy động đóng góp khác	-	-	0	-	-	-	-	
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	0	-	-	-	-	
I	Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách	-	-	0	-	-	-	-	
2	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách	-	-	0	-	-	-	-	
2.1	Thu nợ gốc cho vay	-	-	0	-	-	-	-	
2.2	Thu lãi cho vay	-	-	0	-	-	-	-	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	0	-	-	-	-	
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-	-	0	-	-	-	-	
I	-	-	-	0	-	-	-	-	
1	Vay trong nước	-	-	0	-	-	-	-	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	-	-	0	-	-	-	-	
II	Vay để trả nợ gốc vay	-	-	0	-	-	-	-	
1	Vay trong nước	-	-	0	-	-	-	-	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	-	-	0	-	-	-	-	
C	THU CHUYÊN GIAO NGÂN SÁCH	186,321	186,321	260,122	0	1,923	211,856	46,343	139,61
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	186,321	186,321	258,152	0	0	211,809	46,343	138,55
1.	Bổ sung cán đối	168,635	168,635	195,443	-	168,635	26,808	115,90	115,90
2.	Bổ sung có mục tiêu	17,686	17,686	62,709	0	0	43,474	19,535	354,57
2.1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước	17,686	17,686	62,709	-	43,174	19,535	354,57	354,57
2.2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước	-	-	0	-	-	-	-	-
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	-	-	1,970	-	1,923	47	-	-
D	THU CHUYỂN NGUỒN	-	-	16,333	-	-	15,828	505	-
E	THU KẾT DỰ NGÂN SÁCH	-	-	26,186	-	-	22,837	3,350	-



UBND THỊ XÃ A YUN PA

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020 THỊ XÃ AYUN PA

(Kèm theo Báo cáo số 349/UBND ngày 18/7/2021 của UBND thị xã)

Đơn vị: triệu đồng

TR	Nội dung chi	Dự toán năm 2020			Thực hiện năm 2020			So sánh TH/DT(%)	
		Tỉnh giao giao	HĐND huyện quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2,403	2,914	1,344	1,569	—	—	121.25	
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	95,464	93,752	89,242	89,111	130	93,48	95.19	
2.4	Chi Khoa học và công nghệ	410	410	125	125	—	30,49	30.49	
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	—	179	179	179	—	—	99.89	
2.6	Chi Văn hóa thông tin	—	2,567	3,522	2,163	1,360	—	137.22	
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	—	1,248	1,271	1,271	—	—	101.81	
2.8	Chi Thể dục thể thao	—	274	259	189	70	—	94.62	
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	4,902	4,692	7,120	5,504	1,616	145.25	151.75	
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	—	13,497	15,840	12,979	2,861	—	117.36	
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	—	61,340	71,389	32,005	39,384	—	116.38	
2.12	Chi đảm bảo xã hội	—	8,094	13,179	12,922	256	—	162.82	
2.13	Chi khác ngân sách	—	6,479	3,046	3,046	—	—	47.02	
2.14	Chi từ nguồn CCTL	—	—	1,276	0	—	—	0.00	
IV	Các nhiệm vụ chi khác	—	—	—	0	—	—	—	
V	Nguồn CCTL chi cho đảm bảo xã hội	0	—	25,765	24,295	—	1,470	—	
VI	Chi chuyển nguồn	—	—	—	—	—	—	—	
VII	Chi dự phòng ngân sách	4,131	4,131	0	—	—	—	—	
B	Quản lý qua ngân sách	0	—	—	—	—	—	—	
C	CHI BỐ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0	0	46,343	46,343	0	—	—	
1	Bổ sung cân đối	—	—	26,808	26,808	—	—	—	
2	Bổ sung có mục tiêu	—	—	19,535	19,535	—	—	—	
Tr. đố:	- Bằng nguồn vốn trong nước	—	—	19,535	19,535	—	—	—	
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	—	—	1,970	1,923	47	—	—	
	TỔNG SỐ (A+B+C)	224,231	225,591	325,332	274,020	51,312	145.09	144.21	